

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HS-ST
Ngày: 12/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – QUẢNG NINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vương Thị Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hảo** và bà **Bùi Thị Lệ Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hồng Sơn**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phượng**, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Thành Đ**; tên gọi khác: không; sinh ngày 18/11/1999 tại Hải Phòng; nơi thường trú: **tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: **Đỗ Văn Đ1** và bà **Nguyễn Thị Đ2**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo đầu thú ngày 28/10/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt.

2. **Nguyễn Hữu K**; tên gọi khác: không; sinh ngày 08/11/2002 tại tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: **thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: **Nguyễn Hữu M** và bà **Nguyễn Thị N**; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án, ngày 28/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng. Đến ngày 07/01/2025 Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên ban hành quyết định thi hành án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; tiền sự: không; bị cáo bị bắt truy nã

ngày 03/4/2025, chấp hành án phạt tù tại trại giam T1 - Bộ C1, hiện được trích xuất tại Trại tạm giam công an tỉnh Q, có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1965.

Nơi thường trú: tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng

* Người làm chứng: anh Ngô Văn T, sinh năm 2003.

Nơi thường trú: khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N1 - Bộ C1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thành Đ và Nguyễn Hữu K đều là nhân viên quán K1, địa chỉ tại phường T, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh, Đ biết K có ma túy bán. Khoảng 02 giờ ngày 25/5/2023, Ngô Văn T gọi điện cho Đ hỏi mua 02 viên thuốc lắc. Do đang ở quê, Đ gọi điện báo K bán 02 viên thuốc lắc cho T. K báo giá 1.200.000 đồng và báo Đ hẹn T đến khu vực quán K1 để giao dịch. Sau đó T đến bên ngoài quán thì K ra nhận tiền và chỗ cất giấu ma túy tại chân máy phát điện ở ngoài quán để T tự đi lấy. Khoảng 15 giờ ngày 25/5/2023, T tiếp tục gọi cho Đ hỏi mua thêm 01 gam ketamine và 03 viên thuốc lắc. Đồng báo giá là 4.000.000 đồng, trong đó 2.200.000 đồng/01 gam ketamine và 600.000 đồng/01 viên thuốc lắc. Tuy nhiên, T xin bớt 100.000 đồng, Đ đồng ý và yêu cầu T chuyển 3.900.000 đồng vào tài khoản V số 1018087107 của Đ. Đồng thời Đ gọi điện cho K và nói T muốn mua thêm 01 gam Ketamine và 03 viên thuốc lắc, K đồng ý bán với giá 3.600.000. Sau khi nhận được tiền của T, Đ gọi cho K báo đã nhận tiền. K báo Đ hẹn T đến khu vực ngã tư phố V thuộc phường T, thành phố M (cũ) để nhận ma túy. K gặp và đưa cho T số ma túy như đã thỏa thuận. Mua được ma túy, T mang đi với mục đích để bán, khi đến khu vực khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh thì bị Công an thành phố M bắt quả tang, thu giữ ma túy. Biết T bị bắt, K và Đ bỏ trốn. Số tiền bán ma túy cho T lần này, Đ chưa trả cho K, mà chỉ tiêu cá nhân hết. Đến ngày 28/10/2025, Đỗ Thành Đ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Kết luận giám định số 688/KL-KTHS ngày 01/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại ketamine, khối lượng 0,724 gam; 03 viên nén gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 1,218 gam.

Quá trình điều tra, Đỗ Thành Đ, Nguyễn Hữu K khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Về nguồn gốc ma túy, K khai nhận mua của người đàn ông tên C không rõ lai lịch, địa chỉ.

Tại phiên tòa, Đỗ Thành Đ và Nguyễn Hữu K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Cả hai bị cáo bày tỏ thái độ

ăn năn hối hận về hành vi của mình, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Đỗ Văn Đ1** có mặt tại phiên tòa có lời khai như sau: ông là bố đẻ của **Đỗ Thành Đ**, việc **Đ** bán ma túy gia đình ông không biết. Quá trình điều tra, **Đ** đã tác động ông nộp số tiền 5.000.000 đồng giúp **Đ** khắc phục tiền thu lợi bất chính do bán ma túy mà có. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông số tiền còn lại.

Người làm chứng anh **Ngô Văn T** vắng mặt tại phiên tòa, tại Cơ quan điều tra có lời khai như sau: khoảng đầu tháng 5/2023, **Đ** nhắn tin cho anh là **Đ** có ketamine và thuốc lắc bán với giá 600.000 đồng/viên thuốc lắc và 2.200.000 đồng/01 gam ketamine, nếu ai có nhu cầu mua thì giới thiệu, anh đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 25/5/2023, khi anh đang ở phòng trọ thì **M1** đến hỏi mua 02 viên ma túy thuốc lắc nên anh đã gọi cho **Đ** qua ứng dụng messenger và telegram báo có khách mua thuốc lắc. Đồng báo giá 600.000 đồng/viên và hẹn anh đến **quán K1 ở đại lộ H** để giao dịch. Sau đó, anh nhận số tiền 1.200.000 đồng của **M1** đi đến chỗ hẹn, đến nơi anh gọi điện cho **M1** thì **M1** nói sẽ có người mang ma túy ra đưa cho anh. Ngay sau đó, có một thanh niên (sau này anh biết tên là **K**) đi ra lấy tiền của anh, anh đưa cho **K** 1.200.000 đồng, **K** chỉ về phía máy phát điện trước cửa quán là chỗ cất giấu ma túy. Anh đi đến vị trí **K** chỉ thì lấy được 01 gói giấy bên trong chứa 02 viên ma túy thuốc lắc nên mang về đưa cho **M1**. Khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, **M1** lại nhắn tin cho anh hỏi mua 1 gam ketamine và 03 viên thuốc lắc, đồng thời hứa cho anh 1.000.000 đồng tiền công. Anh báo giá cho **M1** và **M1** đã chuyển khoản cho anh số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản **ngân hàng V** của anh. Khoảng 17 giờ cùng ngày, anh gọi điện cho **Đ** báo có khách mua ma túy, anh nói với **Đ** xin 100.000 đồng để uống nước, **Đ** đồng ý nên anh chỉ chuyển khoản cho **Đ** số tiền 3.900.000 đồng. **Đ** bảo anh đi đến khu vực ngã tư **phố V và ngõ B Đ** để nhận ma túy. Khi anh đi xe máy tới thì gặp **K**, **K** đưa cho anh 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 túi ketamine và 03 viên thuốc lắc, anh cất vào túi rồi mang về quán nước 199X giao cho **M1**, khi đến trước cửa **quán A** thì bị lực lượng Công an kiểm tra và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy anh đang cất giấu trong túi.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSHH ngày 01/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh đã truy tố **Đỗ Thành Đ** và **Nguyễn Hữu K** về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 (bị cáo **Đ** áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17;

Điều 58, (bị cáo **K** áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 55) Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: **Đỗ Thành Đ** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2025; **Nguyễn Hữu K** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù tại Bản án số 13/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên) và Quyết định thi hành án phạt tù số 01/2025/QĐ-CA ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2025. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone, vỏ màu hồng nhạt, mặt trước kính bị vỡ và tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu iphone vỏ màu hồng nhạt. Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, cụ thể bị cáo **Đ** 3.900.000 đồng, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng ông **Đỗ Văn Đ1** đã nộp thay cho **Đ**, bị cáo **K** 1.200.000 đồng. Đối với số tiền 1.100.000 đồng ông **Đỗ Văn Đ1** nộp thay cho **Đ** còn thừa, cần trả lại cho ông **Đ1**.

Các bị cáo không có quan điểm tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát, nói lời sau cùng, các bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối cải, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai nhận tội của cả hai bị cáo tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: ngày 25/5/2023, tại **phường T, thành phố M** (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh, **Đỗ Thành Đ** và **Nguyễn Hữu K** đã 02 lần có hành vi bán trái phép chất ma túy cho **Ngô Văn T** thu được

5.100.000 đồng thì bị phát hiện. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi mua ma túy và bán lại cho người khác nhằm thu lời bất chính, phạm tội do lỗi cố ý. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

... b) Phạm tội 02 lần trở lên...;”.

Hội đồng xét xử thấy, Cáo trạng số 25/CT-VKSNQH-KV ngày 01/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh truy tố đối với **Đỗ Thành Đ** và **Nguyễn Hữu K** là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước. Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do buông lỏng bản thân, muốn kiếm tiền không bằng con đường lao động chân chính mà bán ma túy để thu lời bất chính, do đó cần thiết phải xử lý nghiêm.

[4] Về vai trò trong vụ án: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất và phân công vai trò với nhau. **Đ** là người khởi xướng việc bán ma túy, giao cho **K** chuẩn bị ma túy để có khách hỏi mua thì **K** trực tiếp là người bán, do đó **Đ** giữ vai trò đầu vụ. **K** chủ động tìm nguồn mua ma túy, bán ma túy theo sự chỉ đạo của **Đ**, giữ vai trò sau **Đ**.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Đ** sau khi phạm tội ra đầu thú và tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 28/4/2022 bị cáo **Nguyễn Hữu K** bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên), xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng, đến ngày 25/5/2023 **K**

thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt đối với bị cáo: qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, thể hiện thiếu ý thức chấp hành pháp luật cũng như ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, do đó cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành công dân có ích.

Đối với bị cáo **Nguyễn Hữu K** hiện đang chấp hành hình phạt 24 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên và Quyết định thi hành án phạt tù số 01/2025/QĐ-CA ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên), do đó cần tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt tại Bản án số 13, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đã thu giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone, vỏ màu hồng nhạt của **Đỗ Thành Đ**, là phương tiện bị cáo liên lạc bán ma túy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 sim điện thoại gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu iphone thu giữ của bị cáo **Đ**, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, trong đó bị cáo **Đ** thu lợi 3.900.000 đồng, bị cáo **K** thu lợi 1.200.000 đồng, cần buộc các bị cáo phải nộp lại sung vào ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra, ông **Đỗ Văn Đ1** là bố đẻ của bị cáo **Đ** đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo **Đ**. Đối với số tiền còn lại 1.100.000 đồng cần trả lại cho ông **Đ1**.

[9] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, hiện đang tạm giam và chấp hành án phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

[10] Đối với **Ngô Văn T** có hành vi mua ma túy mục đích để bán, ngày 06/12/2023 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tỉnh Quảng Ninh xét xử

về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự nên không đề cập, xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho **K**, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Khi đến Cơ quan điều tra đầu thú, qua xét nghiệm nước tiểu của **Đỗ Thành Đ**, cho kết dương tính với ma túy loại methamphetamine. Quá trình điều tra xác định **Đ** mua ma túy của người không quen biết về một mình sử dụng, không ai biết. Hành vi cả **Đ** không đủ căn cứ khởi tố, xử lý theo Điều 255 và 256a, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, cơ quan điều tra đã chuyển đề **Công an tỉnh Q** xử phạt hành chính, Hội đồng xét xử không đề cập.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: các bị cáo **Đỗ Thành Đ** và **Nguyễn Hữu K** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Thành Đ** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Hữu K** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone, vỏ màu hồng nhạt, mặt trước kính bị vỡ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu iphone vỏ màu hồng nhạt.

(Các vật chứng nêu trên tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 102/2026/BB-THADSKV6 ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Ninh).

- Buộc bị cáo Đỗ Thành Đ phải nộp số tiền 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) ông Đỗ Văn Đ1 đã nộp thay cho bị cáo Đ. Trả lại cho ông Đỗ Văn Đ1 số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) theo Phiếu hạch toán nộp tiền mặt số 28001 và Giấy nộp tiền mặt ngày 03/4/2026 vào tài khoản số 39490903986200000 của Công an tỉnh Q tại Kho bạc nhà nước khu vực I - Phòng nghiệp vụ 2.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải nộp số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo Đỗ Thành Đ và Nguyễn Hữu K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1, khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ninh (PV06);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10);
- Phòng THADS khu vực 6- Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại giam Thanh Xuân;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thanh

